

Dàn ý phân tích quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ Nhàn chi tiết nhất

Mở bài

Giới thiệu tác giả Nguyễn Bình Khiêm và bài thơ Nhàn.

Thân bài

a. Hai câu đề

“Một mai một cuộc một căn câu
Thơ thần dầu ai vui thú nào”

Nhịp điệu những câu thơ đầu tạo cảm giác thư thái, ung dung.

Bằng cách sử dụng những vật dụng quen thuộc của người dân lao động cho thấy cảnh nghèo khó nhưng an nhàn, thanh bình biết bao.

Tâm trạng của nhà thơ là tâm trạng của một kẻ sĩ “an bần lạc đạo” vượt lên trên nỗi lo lắng bon chen của đời thường để tìm đến thú vui của ẩn sĩ.

b. 2 câu thực

Cách sử dụng phép đối: “dại - khôn, nơi vắng vẻ - chốn lao xao” và cách xưng hô “ta - người” cho thấy được sự khác nhau giữa lối sống của tác giả và người đời thường. Ông cho rằng nơi vắng vẻ là nơi thôn quê yên bình ở đó không còn bon chen chốn quan trường, đây mới thực là cuộc sống.

→ Hai vế tương phản làm nổi bật ý nghĩa, nhấn mạnh phương châm, quan niệm sống của tác giả khác với thông thường. Đồng thời muốn ngầm ý phê phán thói đời, thói người, và thể hiện cái cao ngạo của kẻ sĩ.

c. Hai câu luận

“Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao”

Cuộc sống giản dị không cần những thứ giàu sang hào nhoáng chỉ là sản vật từ thiên nhiên “măng trúc” “giá” → Thấy được cuộc sống an nhàn, đạm bạc thanh cao, lối sống hòa nhập với thiên nhiên của tác giả.

Cái thú sống an nhàn ẩn dật của con người có nhân cách cao đẹp khi sống trong thời loạn lạc ấy để giữ được phẩm giá cốt cách của mình.

d. Hai câu kết

Rượu đến cội cây ta sẽ uống
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao

Xem nhẹ lẽ đời sống xa hoa phú quý, ông ngậm ngùi coi đó như một giấc chiêm bao.

Lối sống thanh cao vượt lên trên lẽ đời thường.

Kết luận

Khái quát lại giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Những bài văn mẫu 10 phân tích quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ Nhàn hay nhất

Tuyển chọn các bài làm văn mẫu phân tích quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ Nhàn ý nghĩa, sâu sắc nhất làm tài liệu tham khảo cho các em học sinh chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra sắp tới tại đây:

Văn mẫu lớp 10 phân tích quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ Nhàn mẫu 1

Nguyễn Bình Khiêm chỉ làm quan tám năm sau đó trở về ở ẩn. Bởi vậy, thơ ca của ông thấm đượm triết lí sống nhàn. Sự nghiệp sáng tác của ông cho thấy quan niệm sống nhàn hết sức phong phú, phức tạp. Và trong bài thơ Nhàn đã phần nào thể hiện được sự phong phú về quan điểm sống ấy.

Trước hết, quan điểm sống nhàn ở Nguyễn Bình Khiêm thể hiện ở lối sống hòa hợp, thuận theo tự nhiên:

“Một mai, một cuốc, một cần câu
Thơ thần đâu ai vui thú nào”

Trong câu thơ đầu tác giả dùng điệp từ “một”, kết hợp phép lặp cấu trúc: số từ cộng danh từ (mai, cuốc, cần câu) và nhịp thơ nhẹ nhàng 2/2/3 cho thấy nhịp điệu đều đặn, thông thả của cuộc sống. Qua đó thấy được phong thái sống bình dị, vui vẻ với thú điền viên. Ông đã sử dụng từ láy “thơ thần” hết sức tài tình, cho thấy sự

an nhàn, thư thái trong tâm hồn. Hai câu thơ đầu đã hé mở lối sống, quan niệm sống nhàn của Trạng Trình, nó được thể hiện ở lối sống giản dị, ung dung, thanh thoi, lánh xa cuộc sống đua chen vật chất, chức tước tầm thường.

Lối sống nhàn đó tiếp tục thể hiện trong cung cách sống của ông:

Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao

Câu thơ với nhịp 1/3/1/2 kết hợp với nghệ thuật đối cho thấy nhịp độ sinh hoạt đều đặn, thường xuyên của Nguyễn Bình Khiêm. Đồng thời chỉ với hai câu thơ nhưng tác giả đã vẽ nên bức tranh tứ bình thật độc đáo: xuân – tắm hồ sen, hạ – tắm ao, thu – măng trúc, đông – giá. Ông không lấy hoa cúc, phong, lựu,... để miêu tả về các mùa như các nhà thơ khác:

“Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san”
Dưới trăng quyền đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông”

(Nguyễn Du)

Nguyễn Bình Khiêm lấy các sự vật hết sức giản dị, gần gũi để làm nổi bật lên nét đặc trưng riêng của từng mùa. Thức ăn là những sản vật có sẵn xung quanh tác giả, mang đậm bản chất thôn dã. Đó là những sản vật do con người làm ra hoặc thiên nhiên ban tặng. Sinh hoạt của ông cũng hết sức nhịp nhàng, tuần hoàn theo dòng chảy của thời gian: tắm hồ sen, tắm ao. Cung cách sống thật khiêm nhường, bình dị của một bậc trí thức đại tài. Mọi nhu cầu của cuộc sống luôn được đáp ứng đủ không thừa cũng không thiếu. Cuộc sống tuy có phần đạm bạc nhưng hết sức thanh nhàn, giải phóng con người khỏi phùng danh lợi, đem con người đến gần hơn với tự nhiên, hòa hợp với vạn vật. Với lối sống này, Nguyễn Bình Khiêm có sự gặp gỡ với thi hào Nguyễn Trãi ở thế kỉ XV:

Ao cạn vớt bèo cấy muống
Đìa thanh, phát cỏ, ương sen

Cuộc sống tự do, thanh thoi, ung dung, tự tại mà biết bao bậc Nho sĩ mơ ước hướng đến.

Nhàn đối với ông còn là xa rời phùng danh lợi, quyền quý để giữ cốt cách thanh cao:

Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ
 Người khôn người đến chốn lao xao

Nơi vắng vẻ và chốn lao xao là hai hình ảnh biểu tượng cho hai không gian sống khác nhau. Nơi vắng vẻ là nơi thiên nhiên tĩnh lặng, xa lánh cuộc đời đầy bon chen, đố kỵ, khiến cho tâm hồn con người trở nên thanh thản. Ngược lại chốn lao xao là nơi cửa quyền “ra luôn vào cúi” bon chen, con người luôn tìm mọi cách để chèn ép, hãm hại nhau hòng đạt được danh lợi. Hai câu thơ sử dụng nghệ thuật đối tài tình, Ta đại tìm nơi vắng vẻ đối với người khôn đến chốn lao xao. Hai vế hướng đến hai cách sống khác nhau: đại tìm về cuộc sống sơn cước, ung dung tự tại, nhàn thân, đại ấy mà lại hóa là đại khôn; khôn tìm đến chốn lao xao đua chen tranh dành, khôn ấy lại thành đại. Nói về đại, khôn cũng được ông thể hiện ở nhiều bài thơ khác:

Khôn mà hiểm độc là khôn đại
 Đại vốn hiền lành ấy đại khôn

Cách nói ngược đã khẳng định phương châm sống xa lánh nơi quyền quý, tìm nơi sống an nhàn để giữ gìn cốt cách thanh cao vốn có của mình, đồng thời cũng là thái độ không chạy theo lối sống bon chen danh lợi, quyền quý.

Nhưng bản chất chữ Nhàn của Nguyễn Bỉnh Khiêm lại có điểm rất khác với nho sĩ ẩn dật khác. Ông nhàn thân mà không hề nhàn tâm. Dù thân nhàn nhưng ông vẫn canh cánh nỗi lòng:

Rượu đến cội cây ta sẽ uống
 Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao

Câu thơ đã nhắc đến một điển tích: Thuần Vu Phần uống rượu say mơ thấy mình được đến nước Hòe Nhai và tìm được cây công danh, phú quý. Khi tỉnh giấc ông chỉ thấy trước mắt là một tổ kiến. Lấy điển tích đó cho thấy thái độ của Nguyễn Bỉnh Khiêm: ông tìm đến rượu không phải để uống xong để mơ giấc mộng công danh mà để tỉnh táo, để nhận ra chân lí: phú quý cũng chỉ như một giấc chiêm bao. Nhận thức đó cho thấy phú quý danh lợi không phải là cái đích cuối cùng trong cuộc đời mỗi người, cái tồn tại với con người mãi mãi chính là nhân cách, phẩm chất cao đẹp. Hai câu kết như một lời khẳng định chắc chắn về ý nghĩa của triết lí sống nhàn. Với Nguyễn Bỉnh Khiêm, sống nhàn là cách để giữ gìn nhân cách, tu tâm dưỡng tính, có được sự thanh thoi, thư thái trong tâm hồn. Đồng thời ta cũng cần phân biệt “nhàn” ở đây là một triết lí, phương châm sống, nhàn là sự thư thái trong tâm hồn.

Bài thơ với thể thơ thất ngôn bát cú đường luật, ngắn gọn, hàm súc, ngôn ngữ thơ giản dị đã thể hiện một cách đầy đủ, trọn vẹn triết lí sống nhân của Nguyễn Bình Khiêm. Đó là lối sống thanh cao, khí tiết, hòa hợp, thuận theo tự nhiên, đồng thời tránh xa phường danh lợi. Lối sống nhân của Nguyễn Bình Khiêm trong bối cảnh lúc bấy giờ là lối sống tích cực để giữ gìn nhân cách trong sáng.

Phân tích quan niệm sống nhân của Nguyễn Bình Khiêm qua bài thơ Nhân lớp 10 mẫu 2

Nguyễn Bình Khiêm từ bỏ chốn quan trường triều Mạc về quê dạy học và sống nhân tản, sống hòa hợp với tự nhiên, giữ cốt cách thanh cao vượt lên trên danh lợi. Quan niệm sống nhân của vị Trạng Trình ấy được thể hiện qua bài thơ "Nhân" viết bằng chữ Nôm, rút trong tập "Bạch Vân quốc ngữ thi". "Nhân" là quan niệm sống, là lời tâm sự về cuộc sống, sở thích cá nhân.

Sau khi dâng sớ vạch tội và xin chém đầu 18 lộng thần nhưng vua không chấp nhận, Nguyễn Bình Khiêm cáo quan về quê dạy học, sống nhân như một "lão nông tri điền thực sự". Cuộc sống thuần hậu, nhân tản diễn ra hàng ngày với:

"Một mai, một cuộc, một cần câu

Thơ thần dầu ai vui thú nào".

Nhịp điệu thơ thông thả như chính nhịp sống giữa thôn quê yên bình với "mai", "cuộc", "cần câu". Điệp từ "một" chỉ số đếm cụ thể lần lượt liệt kê ra các danh từ chỉ công cụ lao động bình dị kết hợp với nhịp thơ 2/2/2 đã tạo ra tâm thế sẵn sàng, chu đáo trong lao động. Từ láy "thơ thần" phác họa cho ta thấy tư thế an nhiên, tự tại và cuộc sống thuần hậu, chất phác của Nguyễn Bình Khiêm. Đại từ phiếm chỉ "ai" nói về mọi người mãi lo "vui thú nào" trái ngược với ông chỉ thích quanh đi quẩn lại với những thú vui thiên nhiên, cây cỏ không chút bận lòng với công danh, phú quý ở đời. Tâm trạng thanh thản, an nhàn và thú vui tao nhã, thanh cao với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông- mùa nào thức ấy.

"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao".

Cuộc sống đạm bạc từng ngày trôi qua vô cùng thư thái với những món ăn quê mùa, dân dã "măng trúc", "giá" do sức lao động của mình làm ra, cùng với nếp sinh hoạt bình thường, giản dị "tắm hồ sen", "tắm ao". Nghệ thuật liệt kê ở hai câu thơ đã khắc họa bức tranh tứ bình về cuộc sống đạm bạc mà thanh cao với bốn mùa có những đặc trưng riêng. Từ ngữ bình dị, dân dã như lời khẩu ngữ tự nhiên, hết như

cách nói của một lão nông thực sự chứ không phải là của một vị từng làm quan. Thú vui thanh nhàn nhưng không làm mất đi vẻ đẹp nhân cách và trí tuệ sáng ngời.

"Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ

Người khôn, người đến chốn lao xao".

Đại- khôn ở đời là cách nhìn của mỗi người, bởi nước luôn chảy xuống thấp còn con người luôn muốn hướng lên cao mà đi. Ở hai câu thơ này, ta thấy được hai cách sống trái ngược giữa "ta" và "người". So sánh tương phản và biện pháp đối: đại- khôn, vắng vẻ- lao xao đã chỉ ra sự đối lập giữa nhân cách - danh lợi và Nguyễn Bình Khiêm đã chọn giữ lại cốt cách thanh cao, theo đuổi quan niệm sống nhàn, nhàn thân và nhàn tâm mặc người chốn quan trường bon chen, tranh giành. Đi ngược với thói đời thông thường, ông lánh đục tìm trong, tìm về "nơi vắng vẻ", nơi không người cầu cạnh và cũng không cần đi cầu cạnh người. Quê nhà thanh tịnh và an nhiên giúp ông tìm được sự thư thái, thanh thoi của tâm hồn và giữ được sự thanh cao của nhân cách. Mặc người chọn "chốn lao xao" nơi quan trường bon chen, sát phạt, nơi xô bồ chỉ có quyền lực và bạc tiền, không có tình người. Cái "đại" của "ta" là cái "đại" của một bậc đại trí, thấu triệt lẽ thịnh suy, vong tồn của thời cuộc, sống trọn vẹn từng ngày thanh thản, nhàn nhã theo tự nhiên. Cái "khôn" của "người" là chấp nhận dấn thân vào "chốn lao xao" để tìm lợi ích cho bản thân, u mê giữa thời thế nhưng người cứ bon chen, bị cuốn theo vòng danh lợi. "Người" nhìn cho "ta" là "đại" nhưng chắc gì "ta đại" và "người khôn"? Vị Trạng Trình của một thời làm quan dưới triều Mạc tự nhận mình là "đại" nhưng rất tinh táo trong lựa chọn cách sống. Cách nói đùa vui, ngược nghĩa làm giọng thơ trở nên hóm hỉnh, sâu cay nhưng chứa đựng một tầm nhìn sáng suốt, nổi bật lên vẻ đẹp nhân cách của Nguyễn Bình Khiêm. Bài thơ là cách ông nhận ra cái khôn-đại thực sự ở đời.

Sống thanh cao và chan hòa với tự nhiên là quan niệm sống nhàn xuyên suốt bài thơ. Nguyễn Bình Khiêm đã chọn cách sống ngược lại với người đời, ông đứng bên ngoài nhìn thói đời bon chen, người lừa, ta gạt để tranh giành phú quý. Bài thơ "Nhàn" làm nổi bật nhân cách, trí tuệ sáng ngời, một quan niệm sống phù hợp với hoàn cảnh xã hội có nhiều biểu hiện suy vong thời bấy giờ. Mỗi thời mỗi khác, nhưng quan niệm sống nhàn của Nguyễn Bình Khiêm trong hoàn cảnh ấy rất đáng quý, đáng được trân trọng, ngợi ca.